

Số: 2908/NQ-VNBC

Hạ Long, ngày 28 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2021;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2021; Kế hoạch SXKD năm 2022 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.1. Kết quả SXKD năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	1.200	580	716	60	123
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất đá xúc theo PA	"			137	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	12.800		13.314	104	-
-	Đào lò XDCB	"				-	-
-	Lò CBSX	"	12.800		13.314	104	-
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.320	1.392	1.633	124	117
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	1.100	1.100	1.149	104	104
-	Than thu hồi theo PA	"			192	-	-
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.473		1.675	114	-
-	Than sạch từ than NK	"	1.188		1.386	117	-

Đức

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
-	Than sạch từ SPNT	"	285		289	102	-
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.473		1.703	116	-
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	561	749	661	117,8	88,2
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.288,2		2.679	117	-
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	25,425		49,24	194	-
9	Lao động định mức	Người	3.119		3.025	97	-
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	14.047		15.294	109	-
11	Cổ tức	%	3		6	200	-

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng, giá trị	Ghi chú
1	Đào lò tổng số	Mét	15.000	
-	Lò XDCB	"		
-	Lò CBSX	"	15.000	
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.400	
-	Than lộ thiên	"		
-	Than hầm lò	"	1.400	
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.545	
-	Than sạch từ than NK	"	1.260	
-	Than sạch từ SPNT	"	285	
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.545	
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	291,51	
6	Doanh thu	Tỷ đồng	2.295,6	
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	28,385	
8	Lao động định mức	Người	3.400	
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	14.875	
10	Cổ tức	%	≥ 3,0	

Điều 2. Thông qua kết quả chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

Đức

2.1. Tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGD năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao, phụ cấp	
1	Hội đồng Quản trị	05	285,6	-	285,6	
-	Chủ tịch HĐQT	01	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	04	220,8		220,8	
2	Ban Kiểm soát	03	461	351,0	110,0	
-	TB kiểm soát	01	360,2	351,0	9,2	
-	UV Ban kiểm soát	02	100,8	-	100,8	
3	Ban Giám đốc	5,7	2.364,0	2.364,0	-	
	Tổng số	13,7	3.110,6	2.715,0	395,6	

2.2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGD năm 2022:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	Trong đó:		
				Lương	Thù lao	Phụ cấp
1	Hội đồng Quản trị	5	506,4	-	230,4	276,0
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	3	165,6		165,6	
-	Ủy viên HĐQT độc lập	1	276			276,0
2	Ban Kiểm soát	3	168	-	168,0	-
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	UV Ban kiểm soát	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
	Tổng số	14	3.176,4	2.502	398,4	276,0

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao... năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGD Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại 20% được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 do Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán gồm một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Điêu

* Tài sản tổng số:	3.471.005.390.217 đồng;
- Tài sản ngắn hạn:	815.981.128.455 đồng;
- Tài sản dài hạn:	2.655.024.261.762 đồng;
* Tổng nguồn vốn:	3.471.005.390.217 đồng;
- Nợ phải trả:	2.991.234.854.962 đồng;
- Vốn chủ sở hữu:	479.770.535.255 đồng.

Điều 4. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
I	Lợi nhuận trước thuế	49.240
1	Trích nộp thuế TNDN	4.254
II	Lợi nhuận sau thuế	44.986
1	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	22.199
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1	22.787
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 15,2% lợi nhuận sau thuế (bằng 30% mức trích ở mục 2)	6.836
2.2	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty ($\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2020)	314
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (≤ 3 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2021)	15.637
-	<i>Quỹ khen thưởng (70%)</i>	<i>10.946</i>
-	<i>Quỹ phúc lợi (30%)</i>	<i>4.691</i>

Điều 5. Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

Điều 6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2021, phương hướng năm 2022.

Điều 7. Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả SXKD, thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2021.

Điều 8. Thông qua Danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2022.

STT	Tên Công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC	Số 01 - Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
2	Công ty TNHH PKF - Việt Nam	Số 01- Nguyễn Huy Tường - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Đức

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin:

9.1. Tiếp tục thực hiện và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo điều chỉnh và các dự án đầu tư xây dựng khác (bao gồm kể cả việc ký kết hợp đồng đầu tư và vay vốn tín dụng);

9.2. Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Công ty theo định hướng của TKV; Được quyền thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

9.3. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội thông qua để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2022; Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

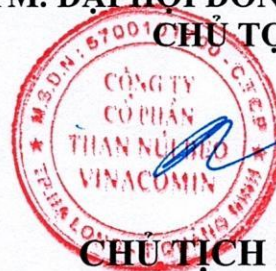
Điều 10. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin năm 2022 thông qua một cách hợp lệ và giao cho HĐQT, Giám đốc Công ty triển khai thực hiện kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2022. *Được*

Nơi nhận: *HTA*

- TKV; UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội; TTLK Việt Nam (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy); P. ĐK đăng trên trang Web;
- Lưu: Văn thư; Thư ký Công ty. *HTA*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Công Hương



Hạ Long, ngày 28 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.**

Trụ sở tại: **799 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh,**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700101700 cấp lần thứ 12 ngày 07/05/2021 tại Phòng ĐKKD sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh;

Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại Nhà sinh hoạt Văn hóa - Thể thao công nhân của Công ty vào hồi 8h00 ngày 28/04/2022 dưới sự điều hành của ông **Phạm Công Hương** - Chủ tịch HĐQT Công ty;

- Tham dự Đại hội có: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, chiếm 65,04% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Đại hội cử ông Huỳnh Hữu Nam – cổ đông của Công ty làm thư ký Đại hội; cử ông Lưu Anh Đức – cán bộ của Công ty vào tổ giúp việc cho thư ký trong việc thu, đếm các thẻ biểu quyết Đại hội.

Đại hội được tiến hành theo trình tự, gồm những nội dung sau:

I. Thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội:

1. Ông Nguyễn Tiến Nhung, Ủy viên BKS, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông (Có báo cáo kèm theo).

2. Chủ tọa kết luận: Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại nhà Sinh hoạt Văn hóa Thể thao Công ty đã đủ điều kiện tiến hành theo đúng quy định.

II. Đại hội đã thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Thảo luận, thông qua quy chế, chương trình Đại hội:

1.1. Ông Trần Quốc Tuấn, Ủy viên HĐQT Công ty trình bày: ⁽¹⁾ Quy chế làm việc của Đại hội, ⁽²⁾ Chương trình Đại hội

(Có nội dung kèm theo).

1.2. Các ý kiến thảo luận: Không.

1.3. Biểu quyết:

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

Đức

1.4. Chủ tọa kết luận: Đại hội đã thông qua Quy chế, Chương trình làm việc của Đại hội với số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết

2. Thảo luận và thông qua các Báo cáo, Tờ trình của HĐQT.

2.1. Ông Ngô Thế Phiệt - Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty trình bày: ⁽¹⁾ Báo cáo kết quả SXKD năm 2021, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022; ⁽²⁾ Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021, đề xuất tiền lương thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022,

(Có báo cáo kèm theo).

2.2. Bà Trương Thúy Mai – UV HĐQT, Kế toán trưởng Công ty ủy quyền trình bày: ⁽¹⁾ Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021; ⁽²⁾ Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021; ⁽³⁾ Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan

(Có Tờ trình và Báo cáo tài chính năm 2021 kèm theo).

2.3. Ông Đặng Văn Ngong, UV HĐQT Công ty trình bày: Báo cáo hoạt động của HĐQT,

(Có báo cáo kèm theo).

2.4. Bà Vũ Thị Dung, Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày: ⁽¹⁾ Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021; ⁽²⁾ Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2021; ⁽³⁾ Tờ trình lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022,

(Có báo cáo, Tờ trình kèm theo).

2.5. Các ý kiến thảo luận: Không

2.6. Biểu quyết:

a) Báo cáo kết quả SXKD năm 2021, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022:
- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

b) Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021, đề xuất tiền lương thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022;

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

c) Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021;

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

d) Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021;

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

e) Tờ trình về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp có người liên quan:

* Biểu quyết tổng thể (gồm cả TKV)

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

* Biểu quyết loại trừ (Không có TKV)

- Số cổ đông tán thành: 17 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 14.155 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

f) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng năm 2022;

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

g) Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021;

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

h) Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2021;

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

i) Tờ trình lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.
- Số cổ đông không tán thành: Không.
- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

2.7. Chủ tọa kết luận: Đại hội đã thông qua: ⁽¹⁾ Báo cáo kết quả SXKD năm 2021, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022; ⁽²⁾ Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021, đề xuất tiền lương thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022; ⁽³⁾ Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021; ⁽⁴⁾ Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021; ⁽⁵⁾ Tờ trình về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan; ⁽⁶⁾ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng năm 2022; ⁽⁷⁾ Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021; ⁽⁸⁾ Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2021; ⁽⁹⁾ Tờ trình lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo Tài chính 6 tháng và cả năm 2022 với số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

3. Thảo luận và thông qua biên bản và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

3.1. Ông Huỳnh Hữu Nam, Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 (Có nội dung kèm theo).

3.2. Các ý kiến thảo luận: Không.

3.3. Tỷ lệ biểu quyết:

- Số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, tương ứng: 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.
- Số cổ đông không tán thành: Không.
- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

3.4. Chủ tọa kết luận:

Đại hội đã thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty:

(i) Tiếp tục thực hiện và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo điều chỉnh và các dự án đầu tư xây dựng khác (bao gồm kể cả việc ký kết hợp đồng đầu tư và vay vốn tín dụng);

(ii) Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Công ty theo định hướng của TKV; Được quyền thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;

(iii) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội thông qua để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2022; Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của

các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp với số cổ đông tán thành: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.063.586 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

Đại hội kết thúc vào hồi 11h00 cùng ngày.

Nơi nhận:

- TKV; UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội; TTLK Việt Nam (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy); P.ĐK đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

THƯ KÝ

Huỳnh Hữu Nam

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Công Hương

M.S.P.
T.P.H.

Hạ Long, ngày 28 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 28/4/2021;

Sau khi kiểm tra tư cách cổ đông, thay mặt Ban kiểm tra, Tôi xin báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty như sau:

1. Tổng số cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/03/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp là: 4.862 cổ đông.

2. Tổng số cổ đông được Công ty mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là: 4.862 cổ đông.

3. Tổng số cổ đông có đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là: 18 cổ đông, sở hữu và đại diện theo uỷ quyền cho 24.063.586 cổ phần, tương ứng 65,04 % số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, có cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 65% vốn Điều lệ của Công ty.

4. Số cổ đông không đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022: Không có cổ đông nào.

Căn cứ vào Điều 19, Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đủ điều kiện tiến hành một cách hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm tra xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Nơi nhận:

- CT HĐQT;
- Lưu tài liệu ĐHCĐ 2022.

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN


Nguyễn Tiến Nhung

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
Ngày chốt danh sách 25 tháng 03 năm 2022; Ngày tổ chức đại hội: 28 tháng 4 năm 2022

Mã cổ đông	Họ và tên	Số ĐKSH	Cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Tổng số	Sở hữu	Ủy quyền		
1	PHẠM CÔNG HƯƠNG	013376754	24.049.431		24.049.431	65,00	-
2	NGÔ THẾ PHIỆT	101041355	1.182		1.182	0,00	-
4	TRƯƠNG THÚY MAI	100642013	2.118	2.118	-	0,01	-
5	NGUYỄN TIỀN NHƯƠNG	100421423	61	61	-	0,00	-
6	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	100771692	2.118	2.118	-	0,01	-
7	HUỶNH HỮU NAM	100589333	36	36	-	0,00	-
8	ĐẶNG VĂN NGONG	001063014832	100	100	-	0,00	-
10	NGUYỄN SỸ HIỆP	100573133	38	38	-	0,00	-
11	NGÔ THU KIỀU AN	100673571	81	81	-	0,00	-
20	NGUYỄN VĂN MIỄN	101024659	55	55	-	0,00	-
21	NGUYỄN HUY TRỢ	100624698	6.666	6.666	-	0,02	-
23	NGUYỄN TIỀN DỤNG	100673828	422	422	-	0,00	-
24	TRẦN NGỌC TRUNG	022077002908	10	10	-	0,00	-
26	TRẦN CÔNG THANH	022069000474	20	20	-	0,00	-
27	TRẦN XUÂN TRUNG	100546028	114	114	-	0,00	-
29	ĐINH VIỆT MINH	100658019	1.058	1.058	-	0,00	-
30	NGUYỄN DUY HÙNG	100649161	10	10	-	0,00	-
28	LƯU ANH ĐỨC	162704068	66	66	-	0,00	-
	(18 CỔ ĐÔNG)		24.063.586	12.973	24.050.613	65,04	

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Công Hương

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA
TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

Nguyễn Tiên Nhung

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Huỳnh Hữu Nam